

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ghê;
- Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Mai L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số G ấp C, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Căn cước công dân số: 079198031481.

Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Căn cước công dân số: 075093013027.

(bà L, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Mai L trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2018 bà và ông Trần Đức T đã xác lập quan

hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Trần Ngọc Thanh V, sinh ngày 21/5/2019 và Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 31/8/2021. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Thạch Thị Mai L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Thạch Thị Mai L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Đức T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Thạch Thị Mai L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục văn bản tố tụng cho ông Trần Đức T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Đức T vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị Mai L, ông Trần Đức T bận việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Thạch Thị Mai L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Đức T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: bà Thạch Thị Mai L, ông Trần Đức T bận việc và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Thạch Thị Mai L và ông Trần Đức T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B1, quận D, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2018 (Giấy đăng ký số 33/2018) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Mai L và ông Trần Đức T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị Mai L đối với ông Trần Đức T, thấy rằng: bà L trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Đối với ông T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Tại phiên tòa, ông T vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Mai L.

[2.3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà L xác định có 02 con chung tên Trần Ngọc Thanh V, sinh ngày 21/5/2019 và Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 31/8/2021. Xét thấy, các cháu V, T1 hiện đang do bà L nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Ông T vắng mặt không có ý kiến gì về con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của hai cháu nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao hai cháu V, T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà L và ông T ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: bà L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp sau này giữa bà L và ông T có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Thạch Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Mai L về việc “Ly hôn” đối với ông Trần Đức T.

1. Về hôn nhân: bà Thạch Thị Mai L được ly hôn với ông Trần Đức T.
2. Về quyền nuôi con chung: bà Thạch Thị Mai L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Ngọc Thanh V, sinh ngày 21/5/2019 và Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 31/8/2021.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Thạch Thị Mai L không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp

nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: bà Thạch Thị Mai L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: bà Thạch Thị Mai L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: bà Thạch Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000982 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí để thi hành. Bà Thạch Thị Mai L đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Khánh Hội, thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm